

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 642/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Bích H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thị Băng G - Văn phòng Luật sư Băng G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Huỳnh Vũ T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Võ Kim L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Trần Kim C, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2018 và tại phiên tòa, chị Lê Thị Bích H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích H và anh Huỳnh Vũ T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn.

Thời đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cãi dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 10/2018 cho đến nay. Nay chị H xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đến nay không thể nào hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Đ, sinh ngày 07/8/2017. Hiện nay, chị H đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Vợ chồng có tài sản chung 01 chiếc xe ba gác, chị H và anh T đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng không có tài sản chung nào khác.

- Về nợ chung: Tháng 5/2018 âm lịch, vợ chồng anh chị có vay của bà Trần Kim C là mẹ ruột của chị H số tiền 35.000.000 đồng để mua xe ba gác. Sau khi vay tiền, anh T đi thành phố Hồ Chí Minh mua xe với giá là 36.000.000 đồng. Đến nay, vợ chồng chị vẫn chưa trả được số tiền trên cho bà C. Trước đây bà C yêu cầu vợ chồng chị mỗi người trả cho bà C số tiền là 17.500.000 đồng, thì chị H đồng ý. Tại phiên tòa, bà C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện thì chị H thống nhất.

Đối với yêu cầu của bà Võ Kim L yêu cầu chị H trả số tiền 10.000.000 đồng và yêu cầu của chị Huỳnh Thị Đ yêu cầu chị H trả 5,5 chỉ vàng 24K, thì chị H không đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L và chị Đ đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên chị H cũng thống nhất.

Tại phiên tòa, anh Huỳnh Vũ T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Đ, sinh ngày 07/8/2017. Hiện nay, con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau có được tài sản chung gồm số tiền 125.000.000 đồng do chị Lê Huyền T hiện nay đang định cư nước ngoài đang giữ và 01 chiếc xe ba gác trị giá 30.000.000 đồng. Đối với chiếc xe ba gác, anh T và chị H đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tiền 125.000.000 đồng thì anh T rút yêu cầu, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, khi nào có đủ tài liệu, chứng cứ thì anh T sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung:

Tháng 11/2016 âm lịch, anh T có vay của chị Đ 11 chỉ vàng 24K để trả cho chị H. Trước đây chị Đ yêu cầu anh T trả 5,5 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Đ đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện thì anh T cũng thống nhất.

Tháng 10/2017 âm lịch, anh T vay của bà Võ Kim L số tiền 20.000.000 đồng để mua xoài lá. Từ khi vay tiền đến nay, anh T đóng lãi đầy đủ cho bà L, đến tháng 02/2019 đến nay anh T ngưng đóng lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện thì anh T cũng thống nhất.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Đ là em ruột của anh T. Tháng 11/2016 âm lịch, anh T có vay 11 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang), anh T nói với chị Đ là do chị H đòi lại vàng cưới, nên anh T vay vàng của chị Đ để trả cho chị H. Khi chị Đ cho anh T vay vàng không có làm biên nhận, không có người chứng kiến, chỉ một mình anh T hỏi vay vàng của chị Đ và chị Đ giao vàng trực tiếp cho anh T. Đến nay, anh T vẫn chưa trả được số vàng nào cho chị Đ. Trước đây, chị Đ yêu cầu anh T, chị H mỗi người trả cho chị số vàng đã vay là 5,5 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, chị Đ rút toàn bộ yêu cầu để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Võ Kim L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tháng 10/2017 âm lịch, anh T có vay của bà L số tiền 20.000.000 đồng, không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, mục đích vay là mua xoài lá. Khi vay chỉ một mình anh T và bà giao tiền trực tiếp cho anh T. Từ khi vay tiền đến nay, anh T đóng lãi đầy đủ cho bà L. Từ tháng 02/2019 đến nay anh T ngưng đóng lãi và anh T vẫn chưa trả được số tiền vốn nào cho bà L. Trước đây tại các phiên hòa giải, bà L yêu cầu vợ chồng anh T, chị H trả cho bà số tiền đã vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu lãi suất 1%/tháng từ tháng 02/2019 đến khi kết thúc vụ kiện. Tại phiên tòa, bà Võ Kim L yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu để thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Kim C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Kim C là mẹ ruột của chị H. Tháng 5/2018 âm lịch, vợ chồng anh T, chị H có vay của bà số tiền 35.000.000 đồng để mua 01 chiếc xe ba gác làm phương tiện vận chuyển. Khi vay không có làm biên nhận, không có người chứng kiến, bà C giao tiền trực tiếp cho vợ chồng anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C yêu cầu vợ chồng anh T và chị H, mỗi người trả cho bà C số tiền là 17.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, bà Trần Kim C rút toàn bộ yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về Ly hôn, nuôi con, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng thường bất hòa, mâu thuẫn, không có được hạnh phúc, chị H và anh T đã không còn sống chung từ tháng 8/2018 đến nay, không hàn gắn tình cảm được. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T là đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[3] Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Đ, sinh ngày 07/8/2017. Hiện nay, con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, anh T đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận của chị H, anh T như trên là không trái luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T.

[4] Anh T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H được tiếp tục nuôi con nên có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị H và anh T trình bày đã thỏa thuận xong, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ngoài ra, anh T còn trình bày trong thời gian vợ chồng chung sống có tài sản chung là số tiền 125.000.000 đồng do chị Lê Huyền T hiện nay đang định cư nước ngoài đang giữ, anh T yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay anh T không cung cấp được địa chỉ của chị Huyền T có xác nhận của cơ quan có chức năng, cũng như các tài liệu chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại phiên tòa, anh T xin rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào anh T thu thập đầy đủ địa chỉ của chị Huyền T và các tài liệu, chứng cứ thì anh T sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện khác. Xét thấy, việc rút yêu cầu của anh T là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của anh T.

[8] Về nợ chung: Tại phiên tòa, bà L, chị Đ và bà C có yêu cầu độc lập xin rút toàn bộ yêu cầu. Xét thấy việc bà L, chị Đ và bà C rút yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà L, bà C và chị Đ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Trả lại cho anh T, chị Đ, bà L, bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích H và anh Huỳnh Vũ T.

2. Về nuôi con: Chị Lê Thị Bích H được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Nhựt Đ, sinh ngày 07/8/2017. Anh Huỳnh Vũ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Đã thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Huỳnh Vũ T đối với yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 125.000.000 đồng.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Huỳnh Thị Đ, bà Võ Kim L, bà Trần Kim C.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001116, ngày 29/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trả lại cho anh Huỳnh Vũ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.937.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006021, ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trả lại cho chị Huỳnh Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 935.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006025, ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trả lại cho bà Võ Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006022, ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trả lại cho bà Trần Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006229, ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo